

C. tính xác định chặt chẽ về hình thức

D. tính quyền lực bắt buộc chung

Câu 8: Tất cả mọi cá nhân, tổ chức nếu vi phạm pháp pháp luật đều phải bị xử lý như nhau. Điều đó thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính công khai.

B. Tính qui phạm phổ biến.

C. Tính quyền lực bắt buộc chung.

D. Tính dân chủ.

Câu 9: Đặc trưng nào của pháp luật là quy tắc xử sự chung, là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người trong đời sống xã hội?

A. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quy phạm phổ biến.

D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 10: Trên đường phố tất cả mọi người nghiêm chỉnh chấp hành quy định của luật giao thông đường bộ là phản ánh đặc trưng cơ bản nào của pháp luật?

A. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quyền lực, bắt buộc chung .

D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 11: Khi đạo đức trở thành nội dung của quy phạm pháp luật thì các giá trị đạo đức được nhà nước bảo đảm thực hiện bằng

A. sức ép của dư luận xã hội.

B. niềm tin của mọi người trong xã hội.

C. lương tâm của mỗi cá nhân.

D. sức mạnh quyền lực của nhà nước.

Câu 12: Việc xây dựng tủ sách pháp luật trong nhà trường nhằm mục đích nào dưới đây?

A. Phổ biến pháp luật.

B. Thực hiện pháp luật.

C. Sửa đổi pháp luật.

D. Ban hành pháp luật.

Câu 13: Nhờ có pháp luật, nhà nước mới kiểm tra, kiểm soát được các hoạt động của mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan trong phạm vi lãnh thổ của mình. Nhận định này muốn đề cập đến

A. vai trò của pháp luật.

B. nhiệm vụ của pháp luật.

C. đặc trưng của pháp luật.

D. chức năng của pháp luật.

Câu 14: Hiến pháp quy định “Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập”. Phù hợp với Hiến pháp, Luật Giáo dục khẳng định quy định chung: “Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập”. Sự phù hợp của Luật giáo dục với Hiến pháp thể hiện đặc trưng nào của pháp luật?

A. Quy phạm phổ biến.

B. Xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

C. Quyền lực, bắt buộc chung.

D. Quy phạm pháp luật.

Câu 15: Khi nói về bản chất của pháp luật, anh K khẳng định pháp luật luôn thể hiện ý chí của giai cấp cầm quyền mà Nhà nước là đại diện. Nhưng chị H và chị X đều phản đối vì cho rằng điều này chỉ đúng trong các nhà nước trước đây chứ ở nước ta thì không đúng. Chị N đồng ý với anh K nhưng anh Đ nói thêm, pháp luật bắt nguồn từ đời sống xã hội nên nó mang bản chất xã hội. Những ai dưới đây đã hiểu đúng về bản chất của pháp luật?

A. Anh K, anh Đ và chị N.

B. Chị H, chị X và anh Đ.

C. Anh K và chị N.

D. Chị H và chị X.

Câu 16: Cơ sở sản xuất giấy X bị cán bộ môi trường lập biên bản đình chỉ hoạt động vì không áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, cán bộ môi trường đã sử dụng vai trò nào dưới đây của pháp luật?

- A. Phương tiện để quản lý xã hội.
- B. Bảo vệ quyền, lợi ích của công dân.
- C. Tổ chức và thực hiện pháp luật.
- D. Thực hiện quyền, lợi ích của công dân.

Câu 17: Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định: Mức phạt khi từ chối thổi vào máy đo nồng độ cồn bằng với mức phạt cao nhất đối với vi phạm về nồng độ cồn. Quy định đó thể hiện đặc trưng nào của pháp luật?

- A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.
- B. Tính xác định chặt chẽ về mặt nội dung.
- C. Tính quy phạm phổ biến.
- D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 18: Khi phát hiện con gái mình có dấu hiệu bị xâm hại bởi một đối tượng gần nhà, chị M đã gửi đơn tố cáo lên cơ quan công an thành phố. Trong trường hợp này, pháp luật thể hiện vai trò nào dưới đây?

- A. Phương tiện bảo vệ quyền và tài sản của công dân.
- B. Phương tiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- C. Phương tiện để nhà nước phát huy quyền lực.
- D. Phương tiện để nhà nước quản lý xã hội.

Câu 19: Bức tường nhà chị H bị hỏng nặng do anh nhà anh D hàng xóm xây nhà mới. Sau khi được trao qui định của pháp luật về trách nhiệm của người xây dựng công trình, anh D đã xây mới lại bức tường. Trong trường hợp này pháp luật thể hiện vai trò gì?

- A. Phương tiện để nhà nước phát huy quyền lực của mình.
- B. Phương tiện để nhà nước quản lý xã hội.
- C. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- D. Bảo vệ các quyền tự do cơ bản của công dân.

Câu 20: Hiện nay các thành phố lớn không ít người bất chấp quy tắc giao thông, ngang nhiên đi lên đường cao tốc, băng qua đường đi xuống lòng đường, gây ra nhiều vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng. Từ thực tế trên, pháp luật có những quy định tăng mức xử phạt đối với người đi bộ nếu vi phạm quy định về giao thông đường bộ. Quy định này thể hiện bản chất nào dưới đây của pháp luật

- A. Bản chất chính trị
- B. Bản chất giai cấp
- C. Bản chất xã hội
- D. Bản chất văn hóa.

Câu 21: Quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức là

- A. thực hiện pháp luật.
- B. phổ biến pháp luật.
- C. tư vấn pháp luật.
- D. giáo dục pháp luật.

Câu 22: Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm là

- A. sử dụng pháp luật

- B. thi hành pháp luật
- C. tuân thủ pháp luật
- D. áp dụng pháp luật

Câu 23: Cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật cho phép làm là thực hiện pháp luật theo hình thức

- A. sử dụng pháp luật
- B. tuân thủ pháp luật
- C. áp dụng pháp luật
- D. thi hành pháp luật

Câu 24: Cơ quan công chức nhà nước có thẩm quyền ra quyết định xử lí người vi phạm pháp luật là hình thức

- A. áp dụng pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- C. sử dụng pháp luật.
- D. tuân thủ pháp luật.

Câu 25: Sử dụng pháp luật là các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì pháp luật

- A. khuyến khích làm.
- B. cho phép làm.
- C. quy định làm.
- D. bắt buộc làm.

Câu 26: Sử dụng pháp luật là các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn

- A. quy ước của tập thể.
- B. các quyền của mình.
- C. nguyên tắc của cộng đồng.
- D. nội quy của nhà trường.

Câu 27: Mọi người chủ động đến cơ quan chức năng để đăng ký tạm trú, tạm vắng là thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

- A. Áp dụng pháp luật.
- B. Sử dụng pháp luật.
- C. Tuân thủ pháp luật.
- D. Thi hành pháp luật.

Câu 28: Các tổ chức cá nhân **không** làm những việc mà pháp luật cấm là

- A. tuân thủ pháp luật.
- B. áp dụng pháp luật
- C. sử dụng pháp luật.
- D. thi hành pháp luật.

Câu 29: Công dân thực hiện quyền tự do kinh doanh thông qua việc lựa chọn ngành, nghề, hình thức kinh doanh phù hợp với điều kiện, khả năng của mình là gì?

- A. Áp dụng pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Sử dụng pháp luật.
- D. Thi hành pháp luật.

Câu 30: Đến hạn nộp tiền điện mà X vẫn không nộp. Vậy X **không** thực hiện hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Thi hành pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Sử dụng pháp luật.
- D. Áp dụng pháp luật.

Câu 31: Thực hiện pháp luật là hành vi

- A. hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
- B. không hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
- C. trái pháp luật của cá nhân, tổ chức.
- D. hợp pháp của cá nhân trong xã hội.

Câu 32: Hình thức thực hiện nào của pháp luật quy định cá nhân, tổ chức sử dụng đúng các quyền của mình, làm những gì pháp luật cho phép?

- A. Áp dụng pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 33: Trường hợp bạn A đủ 16 tuổi nhưng không sử dụng xe trên 50cm³ là hình thức thực hiện nào của pháp luật?

- A. Áp dụng pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 34: Hình thức thực hiện nào của pháp luật quy định cá nhân, tổ chức chủ động thực hiện nghĩa vụ, không chủ động thực hiện cũng bị bắt buộc phải thực hiện?

- A. Áp dụng pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 35: Cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm là thực hiện pháp luật theo hình thức

- A. áp dụng pháp luật.
- B. sử dụng pháp luật.
- C. tuân thủ pháp luật.
- D. thi hành pháp luật.

Câu 36: Trường hợp nào dưới đây thuộc hình thức áp dụng pháp luật?

- A. Cá nhân, tổ chức làm những việc pháp luật cho phép.
- B. Cá nhân, tổ chức làm những việc pháp luật quy định phải làm.
- C. Cá nhân, tổ chức không làm những việc pháp luật cấm.
- D. Cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ.

Câu 37: Hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây có chủ thể thực hiện khác với các hình thức còn lại?

- A. Thi hành PL.
- B. Sử dụng PL.
- C. Áp dụng PL.
- D. Tuân thủ PL.

Câu 38: Tuân thủ pháp luật là việc các cá nhân, tổ chức không làm những điều mà

- A. xã hội kì vọng.
- B. pháp luật cấm.
- C. tập thể hạn chế.
- D. đạo đức chi phối.

Câu 39: Trường hợp nào dưới đây là hình thức áp dụng pháp luật?

- A. Xử phạt hành chính trong giao thông.
- B. Đăng kí kết hôn theo luật định.
- C. Xử lí thông tin liên ngành.
- D. Sử dụng dịch vụ truyền thông.

Câu 40: Những hoạt động có mục đích làm cho các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống trở thành những hành vi hợp pháp các cá nhân, tổ chức là nội dung khái niệm nào dưới đây?

- A. Xây dựng pháp luật.
- B. Phổ biến pháp luật.
- C. Thực hiện pháp luật.
- D. Ban hành pháp luật.

Câu 41: Vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc lựa chọn nơi cư trú là bình đẳng

- A. trong quan hệ nhân thân.
- B. trong quan hệ tài sản.
- C. trong quan hệ việc làm.
- D. trong quan hệ nhà ở.

Câu 42: Vợ chồng có quyền tự do lựa chọn tín ngưỡng, tôn giáo là bình đẳng

- A. trong quan hệ nhân thân.
- B. trong quan hệ tài sản.
- C. trong quan hệ việc làm.
- D. trong quan hệ nhà ở.

Câu 43: Bình đẳng về nghĩa vụ trước pháp luật có nghĩa là mọi doanh nghiệp đều phải

- A. sử dụng các dịch vụ bảo hiểm
- B. tuyển dụng chuyên gia cao cấp
- C. kinh doanh đúng ngành, nghề đăng kí
- D. nhập khẩu nguyên liệu tự nhiên

Câu 44: Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, mọi công dân phải thực hiện nghĩa vụ nào sau đây?

- A. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- B. Tổ chức hội nghị khách hàng.
- C. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo.
- D. Tham gia bảo hiểm nhân thọ.

Câu 45: Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, mọi công dân phải thực hiện nghĩa vụ nào sau đây?

- A. Nộp thuế đầy đủ theo quy định.
- B. Cổ phần hóa tài sản doanh nghiệp.
- C. Lắp đặt hệ thống phần mềm quản lí.
- D. Thành lập quỹ bảo trợ xã hội.

Câu 46: Anh T nộp hồ sơ đăng kí và được cấp giấy phép mở đại lí phân phối xe mô tô. Anh T đã thực hiện nội dung nào dưới đây của quyền bình đẳng trong kinh doanh?

- A. Nâng cấp phương thức quản lí.
- B. Tích cực tuyển dụng chuyên gia.
- C. Lựa chọn hình thức kinh doanh.
- D. Chủ động mở rộng quy mô.

Câu 47: Theo quy định của pháp luật, mọi doanh nghiệp đều phải thực hiện nghĩa vụ

- A. kinh doanh đúng ngành nghề đăng ký.
- B. tham gia xây nhà tình nghĩa,
- C. nhập khẩu nguyên liệu tự nhiên,
- D. tuyển dụng chuyên gia cao cấp.

Câu 48: Mọi công dân khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp là nội dung quyền bình đẳng trong

- A. tìm kiếm việc làm.
- B. tuyển dụng lao động.
- C. lĩnh vực kinh doanh.
- D. đào tạo nhân lực.

Câu 49: Sau khi tốt nghiệp đại học H, K, L đã cùng nhau góp vốn để mở công ty cổ phần. Việc làm của 3 người trên thể hiện nội dung nào về bình đẳng trong kinh doanh?

- A. Tự do mở rộng quy mô kinh doanh
- B. Tự do mở rộng ngành nghề kinh doanh.
- C. Tự chủ đăng ký kinh doanh
- D. Tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh

Câu 50: Nội dung nào dưới đây là nghĩa vụ của người sản xuất kinh doanh?

- A. Giải quyết việc làm cho lao động địa phương.
- B. Kinh doanh đúng ngành, nghề ghi trong giấy phép kinh doanh.
- C. Đảm bảo đầy đủ điều kiện vật chất cho người lao động.
- D. Xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

Câu 51: Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng và các thành viên trong gia đình trên cơ sở nguyên tắc dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử trong các mối quan hệ ở phạm vi

- A. cơ quan và trường học.
- B. gia đình và xã hội.
- C. dòng họ và địa phương.
- D. đồng nghiệp và hàng xóm.

Câu 52: Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình dựa trên cơ sở nguyên tắc nào sau đây?

- A. Dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.
- B. Tự do, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.
- C. Công bằng, lắng nghe, kính trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.
- D. Chia sẻ, đồng thuận, quan tâm lẫn nhau, không phân biệt đối xử.

Câu 53. Bình đẳng giữa cha mẹ và con có nghĩa là

- A. Cha mẹ không phân biệt đối xử giữa các con.
- B. Cha mẹ có quyền yêu thương con gái hơn con trai.
- C. Cha mẹ cần tạo điều kiện học tập tốt hơn cho con trai.
- D. Cha mẹ yêu thương, chăm sóc con đẻ hơn con nuôi.

Câu 54. Bình đẳng trong quan hệ thân thân giữa vợ và chồng thể hiện cho nội dung nào dưới đây ?

- A. Vợ chồng có quyền cùng nhau quyết định về kinh tế trong gia đình.
- B. Vợ chồng có quyền tôn trọng và giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau.
- C. Người vợ có quyền quyết định nuôi dạy con.
- D. Người vợ cần làm công việc gia đình nhiều hơn chồng để tạo điều kiện cho chồng phát triển.

Câu 55. Vợ chồng giữ gìn danh dự, nhân phẩm và uy tín của nhau là biểu hiện bình đẳng trong quan hệ nào dưới đây ?

- A. Quan hệ thân nhân.
- B. Quan hệ tài sản.
- C. Quan hệ hợp tác.
- D. Quan hệ tinh thần.

Câu 56. Nội dung nào dưới đây không thể hiện bình đẳng giữa cha mẹ và con ?

- A. Cha mẹ cần tạo điều kiện học tập tốt cho con trai và con gái.
- B. Cha mẹ cần quan tâm, chăm sóc con đẻ như con nuôi.
- C. Cha mẹ cần tôn trọng ý kiến của con.
- D. Cha mẹ có quyền yêu con gái hơn con trai.

Câu 57. Ý kiến nào dưới đây đúng về quyền bình đẳng giữa cha mẹ và con ?

- A. Cha mẹ cần tạo điều kiện tốt hơn cho con trai học tập, phát triển.
- B. Cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con.
- C. Cha mẹ cần quan tâm, chăm sóc con đẻ hơn con nuôi.
- D. Cha mẹ được quyền quyết định việc chọn trường, chọn ngành học cho con.

Câu 58. Nội dung nào dưới đây *không phải* là bình đẳng trong hôn nhân và gia đình ?

- A. Bình đẳng giữa những người trong họ hàng.
- B. Bình đẳng giữa vợ và chồng.
- C. Bình đẳng giữa cha mẹ và con.
- D. Bình đẳng giữa anh chị, em.

Câu 59. Khoản 2 điều 70 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ của con là “Có bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình”. Quy định này nói về bình đẳng trong quan hệ nào dưới đây ?

- A. Giữa anh, chị, em, với nhau.
- B. Giữa cha mẹ và con.
- C. Giữa các thế hệ.
- D. Giữa mọi thành viên.

Câu 60. Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc thực hiện kết hoạch hóa gia đình là nội dung bình đẳng trong quan hệ nào dưới đây ?

- A. Quan hệ tình cảm.
- B. Quan hệ kế hoạch hóa gia đình.
- C. Quan hệ nhân thân.
- D. Quan hệ gia đình.

Câu 61: Pháp luật Việt Nam nghiêm cấm mọi hành vi kì thị và chia rẽ giữa các dân tộc. Mọi hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc đều bị xử lí nghiêm minh. Điều này nhằm đảm bảo

- A. quyền bình đẳng giữa các dân tộc
- B. quyền bình đẳng giữa các tôn giáo
- C. quyền bình đẳng giữa các quốc gia
- D. quyền bình đẳng giữa các dân tộc thiểu số.

Câu 62: Hình thức tín ngưỡng có tổ chức với những quan niệm giáo lí thể hiện sự tín ngưỡng và các hình thức lễ nghi thể hiện sự sùng bái tín ngưỡng ấy là

- A. tôn giáo.
- B. tín ngưỡng.
- C. cơ sở tôn giáo.
- D. hoạt động tôn giáo.

Câu 63: Chùa, nhà thờ, thánh đường, thánh thất được gọi chung là

- A. Các cơ sở vui chơi.
- B. Các cơ sở họp hành tôn giáo.
- C. Các cơ sở truyền đạo.
- D. Các cơ sở tôn giáo.

Câu 64: Việc truyền bá, thực hành giáo lí, giáo luật, lễ nghi, quản lí tổ chức của tôn giáo là

- A. tôn giáo.
- B. tín ngưỡng.
- C. cơ sở tôn giáo.
- D. hoạt động tôn giáo.

Câu 65: Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là các tôn giáo ở Việt Nam đều có quyền tự do hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ của

- A. giáo hội.
- B. pháp luật.
- C. đạo pháp.
- D. hội thánh.

Câu 66: Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo theo

- A. tín ngưỡng cá nhân.
- B. quan niệm đạo đức.
- C. quy định của pháp luật.
- D. phong tục tập quán.

Câu 67: Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật được nhà nước đảm bảo, các cơ sở tôn giáo hợp pháp được pháp luật bảo hộ là nội dung quyền bình đẳng giữa các

- A. tôn giáo.
- B. tín ngưỡng.
- C. cơ sở tôn giáo.
- D. hoạt động tôn giáo.

Câu 68: Các tôn giáo được nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật nội dung quyền bình đẳng giữa các

- A. tôn giáo.
- B. tín ngưỡng.
- C. cơ sở tôn giáo.
- D. hoạt động tôn giáo.

Câu 69: Để thể hiện sự bình đẳng giữa các tôn giáo, giữa công dân có hoặc không có tôn giáo và giữa công dân của các tôn giáo khác nhau phải có thái độ gì với nhau ?

- A. Tôn trọng.
- B. Độc lập.
- C. Công kích.
- D. Ngang hàng.

Câu 70: Khẩu hiệu nào sau đây phản ánh không đúng trách nhiệm của công dân có tín ngưỡng, tôn giáo đối với đạo pháp và đất nước ?

- A. Buôn thần bán thánh.
- B. Tốt đời đẹp đạo.
- C. Kính chúa yêu nước.
- D. Đạo pháp dân tộc.

Câu 71: Các cơ sở tôn giáo được pháp luật thừa nhận dù lớn hay nhỏ được nhà nước đối xử

- A. không bình đẳng.
- B. có sự phân biệt.
- C. bình đẳng như nhau.
- D. tùy theo từng tôn giáo.

Câu 72: Ông A không đồng ý cho M kết hôn với K vì do hai người không cùng tôn giáo. Ông A đã không thực hiện quyền bình đẳng giữa

- A. các dân tộc.
- B. các tôn giáo.
- C. tín ngưỡng.
- D. các vùng, miền.

Câu 73: A và B chơi thân với nhau nhưng mẹ của A kịch liệt ngăn cản A vì B có theo tôn giáo. Hành vi của mẹ A xâm phạm quyền bình đẳng giữa

- A. các địa phương.
- B. các tôn giáo.

- C. các giáo hội.
- D. các gia đình.

Câu 74: Ngày 27/ 7 hàng năm, nhà trường tổ chức cho học sinh đến viếng nghĩa trang các anh hùng liệt sĩ ở địa phương. Hoạt động này thể hiện

- A. hoạt động tín ngưỡng.
- B. hoạt động mê tín dị đoan.
- C. hoạt động tôn giáo.
- D. hoạt động công ích.

Câu 75: Hằng ngày, gia đình bà A đều thắp nhang cho ông bà tổ tiên. Việc làm của gia đình bà A thể hiện điều gì?

- A. Hoạt động tín ngưỡng.
- B. Hoạt động mê tín dị đoan.
- C. Hoạt động tôn giáo.
- D. Hoạt động công ích.

Câu 76: Xã Q là một xã miền núi có đồng bào thuộc các dân tộc khác nhau. Nhà nước đã quan tâm, tạo điều kiện ưu đãi để các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã Q kinh doanh tốt, nhờ đó mà kinh tế phát triển. Đây là biểu hiện bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực nào dưới đây ?

- A. Bình đẳng về chủ trương
- B. Bình đẳng về điều kiện kinh tế.
- C. Bình đẳng về cơ hội kinh doanh.
- D. Bình đẳng về điều kiện kinh doanh.

Câu 77: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc xuất phát từ quyền bình đẳng của công dân

- A. trước pháp luật.
- B. trong gia đình.
- C. trong lao động.
- D. trước nhà nước.

Câu 78: VTV5 là kênh truyền hình dân tộc thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc ở lĩnh vực nào?

- A. Quyền bình đẳng về kinh tế.
- B. Quyền bình đẳng về chính trị.
- C. Quyền bình đẳng về Văn hóa, Giáo dục.
- D. Quyền bình đẳng về An ninh Quốc phòng.

Câu 79: VOV4 hệ phát thanh dân tộc thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc ở lĩnh vực nào?

- A. Quyền bình đẳng về kinh tế.
- B. Quyền bình đẳng về chính trị.
- C. Quyền bình đẳng về Văn hóa, Giáo dục.
- D. Quyền bình đẳng về An ninh Quốc phòng.

Câu 80: Tôn giáo là một hình thức của

- A. mê tín dị đoan.
- B. hủ tục.
- C. tín ngưỡng.
- D. bói toán

-----Hết-----

Chúc các em ôn tập tốt và thi đạt kết quả cao